

Số: **28/2024/QĐST-HNGĐ**

Hoài Đức, ngày 25 tháng 01 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ khoản 2 Điều 29, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 212, Điều 213, Điều 396, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 36, khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 02/2024/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh NTP, sinh năm: 1985; Trú tại: Thôn L, xã C, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

- Chị Y, sinh năm: 1986; Trú tại: Thôn L, xã C, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh NTP và chị Y lấy nhau có đăng ký kết hôn ngày 16/03/2010 tại UBND xã C, huyện Hoài Đức, Hà Nội trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung, anh chị đã thống nhất thuận tình ly hôn, đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa anh chị.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh NTP và chị Y thực sự trầm trọng, nguyện vọng đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn của anh chị là phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình nên Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh NTP và chị Y xác nhận có 02 con chung là V, sinh ngày 11/08/2015 và V, sinh ngày 22/08/2018. Sức khỏe con chung bình thường. Anh chị

thống nhất giao cho chị Y trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cả hai con chung, kể từ khi có quyết định ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh NTP đóng góp nuôi mỗi con chung là 3.000.000 đồng/tháng, kể từ khi có quyết định ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Thỏa thuận của anh chị là tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật nên công nhận.

[3] Về tài sản và nhà đất chung: Anh NTP và chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[4] Về nợ chung: Anh NTP và chị Y xác nhận vợ chồng không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[5] Về lệ phí: Anh NTP tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình. Sự tự nguyện của anh NTP là phù hợp nên ghi nhận.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 01 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

[1.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh NTP và chị Y cùng thuận tình ly hôn.

[1.2] Về con chung: Anh NTP và chị Y xác nhận có 02 con chung là V, sinh ngày 11/08/2015 và Nguyễn Nhật Tân, sinh ngày 22/08/2018.

Anh chị thống nhất giao cho chị Y trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cả hai con chung, kể từ khi có quyết định ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh NTP đóng góp nuôi mỗi con chung là 3.000.000 đồng/tháng, kể từ khi có quyết định ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh NTP có quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.

[1.3] Về tài sản và nhà ở chung: Anh NTP và chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[1.4] Về nợ chung: Anh NTP và chị Y xác nhận không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

2. Về lệ phí: Anh NTP tự nguyện chịu cả số tiền 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng lệ phí việc hôn nhân gia đình được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng anh

NTP đã nộp theo Biên lai thu số 0005462 ngày 05/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức.

3. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thi hành thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền theo thoả thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, nếu không có thoả thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Hoài Đức;
- Chi cục THADS huyện Hoài Đức;
- UBND x.C, h.Hoài Đức, Hà Nội
(GCN số 30 ngày 16/03/2010);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Lan Anh